

Số: 59 /2022/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 22 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Quy định giá bán nước sạch sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2023-2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính Quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Thực hiện Thông báo số 528/TB-TU ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định giá bán nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2023-2024.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, đơn vị cấp nước và sử dụng nước sạch sinh hoạt.

Điều 2. Quy định giá bán nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2023-2024 như sau:

TT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt	Ký hiệu	Giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt giai đoạn 2023- 2024 (đ/m ³)
A	KHU VỰC NÔNG THÔN		
1	Hộ dân cư		
	Mức từ 0 m ³ - 10 m ³ /đồng hồ/tháng	SH1	7.200
	Từ trên 10 m ³ - 20 m ³ /đồng hồ/tháng	SH2	8.900
	Từ trên 20 m ³ - 30 m ³ /đồng hồ/tháng	SH3	13.200
	Từ trên 30 m ³ /đồng hồ/tháng	SH4	14.200
2	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	HC	11.500
3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	SX	13.700
4	Tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ	KD	21.000
B	KHU VỰC ĐÔ THỊ		
1	Hộ dân cư		
	Mức từ 0m ³ - 10m ³ /đồng hồ/tháng	SH1	7.300
	Từ trên 10 m ³ - 20 m ³ /đồng hồ/tháng	SH2	9.000
	Từ trên 20 m ³ - 30 m ³ /đồng hồ/tháng	SH3	13.300
	Từ trên 30 m ³ /đồng hồ/tháng	SH4	14.300
2	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	HC	11.500
3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	SX	13.700
4	Tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ	KD	21.000
5	Giá bán buôn		9.620

Các mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, phí bảo vệ môi trường. Mức giá nước sạch sinh hoạt đã tính khấu hao tài sản các công trình cấp nước. Giá bán buôn áp dụng cho khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Công ty Cổ phần nước sạch Hà Nam, các đơn vị kinh doanh sản xuất nước sạch có trách nhiệm thực hiện mức giá bán nước sạch sinh hoạt theo đúng quy định hiện hành. Việc điều chỉnh giá bán nước sạch sinh hoạt phải gắn với việc nâng cao chất lượng nước sinh hoạt và gắn với trách nhiệm, nghĩa vụ của các đơn vị cung cấp nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2023 và thay thế Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 04/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh giá bán nước sạch trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (để b/c);
- TT Tỉnh ủy (để b/c);
- TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để c/đạo);
- UBNDTTQ tỉnh (để p/hợp);
- Như Điều 4;
- VPUB: LĐVP, TH;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Chức
Nguyễn Anh Chức